

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014



Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký

Kinh doanh số

0200344752

ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 4 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Phạm Hữu Quý Lâm
Bùi Quốc Hưng
Lâm Hồng Thanh
Nguyễn Văn Bình
Mai Xuân Phong

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Bình
Wilson Cheah Hui Pin
Nguyễn Văn Bình
Phạm Thị Thu Nga

Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 7 năm 2014)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 1 tháng 7 năm 2014)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 1 tháng 7 năm 2014)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 10 tháng 3 năm 2014)

Ban Kiểm soát

Nguyễn Thành Chánh
Đoàn Thị Chín
Trần Phước Thái

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 71 Lê Lai
Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0557-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2013

Lê Việt Hùng
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		103.160.778.081	115.992.967.908
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.399.264.836	14.762.451.927
Tiền	111		17.399.264.836	14.762.451.927
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10	2.289.217.014	1.741.762.200
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		5.952.080.000	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(3.662.862.986)	(4.210.317.800)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	29.099.369.815	28.933.690.536
Phải thu khách hàng	131		9.082.490.620	8.171.492.934
Trả trước cho người bán	132		19.724.960.626	13.319.302.858
Các khoản phải thu khác	135		7.135.968.021	14.286.944.196
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.844.049.452)	(6.844.049.452)
Hàng tồn kho	140	6	53.347.577.565	70.048.271.009
Hàng tồn kho	141		54.205.999.426	70.906.692.870
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(858.421.861)	(858.421.861)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.025.348.851	506.792.236
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		97.817.412	270.350.898
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.335.927	32.573.275
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		553.402.215	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		354.793.297	203.868.063
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		58.863.950.496	56.798.357.015
Các khoản phải thu dài hạn	210	5	7.936.175.901	9.015.703.224
Phải thu dài hạn khác	218		7.936.175.901	9.015.703.224
Tài sản cố định	220		35.279.253.476	34.701.470.782
Tài sản cố định hữu hình	221	7	21.899.119.684	21.321.336.990
Nguyên giá	222		102.778.767.220	98.897.937.220
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.879.647.536)	(77.576.600.230)
Tài sản cố định vô hình	227	8	11.987.672.202	11.987.672.202
Nguyên giá	228		11.987.672.202	11.987.672.202
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.392.461.590	1.392.461.590
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	15.000.000.000	12.456.728.924
Đầu tư vào công ty con	251		15.000.000.000	15.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(2.543.271.076)
Tài sản dài hạn khác	260		648.521.119	624.454.085
Chi phí trả trước dài hạn	261		308.521.119	424.454.085
Tài sản dài hạn khác	268		340.000.000	200.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		162.024.728.577	172.791.324.923

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		49.853.191.266	62.180.456.921
Nợ ngắn hạn	310		49.581.905.551	61.909.171.206
Vay ngắn hạn	311	11	11.181.060.494	11.281.960.063
Phải trả người bán	312		9.277.850.305	17.459.498.459
Người mua trả tiền trước	313		3.185.218.080	404.259.641
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	5.271.360.113	8.045.838.350
Phải trả người lao động	315		7.906.134.090	10.161.370.614
Chi phí phải trả	316	13	3.586.117.307	6.090.716.509
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.122.807.214	728.413.977
Dự phòng phải trả	320	16	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	15	2.593.103.698	2.278.859.343
Nợ dài hạn	330		271.285.715	271.285.715
Phải trả dài hạn khác	333		271.285.715	271.285.715
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		112.171.537.311	110.610.868.002
Vốn chủ sở hữu	410	17	112.171.537.311	110.610.868.002
Vốn cổ phần	411	18	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	417	20	13.506.371.237	12.232.663.256
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	11.493.304.394	10.856.450.403
Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.418.474.330	21.768.366.993
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		162.024.728.577	172.791.324.923

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tiền tệ	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	2.396.601.988	2.396.601.988
Ngoại tệ	USD	2.894	2.892

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:

 Nguyễn Hồng Nam
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Nguyễn Văn Bình
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	21	150.737.210.937	149.652.131.601
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	3.200.665.677	906.724.388
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	21	147.536.545.260	148.745.407.213
Giá vốn hàng bán	11	22	97.908.951.202	101.148.993.942
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		49.627.594.058	47.596.413.271
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	22.952.903	142.286.947
Chi phí tài chính	22	24	(2.592.601.728)	317.203.188
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		488.790.779	202.167.519
Chi phí bán hàng	24		21.878.283.459	24.649.607.917
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.844.359.089	20.986.466.593
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		13.520.506.141	1.785.422.520
Thu nhập khác	31		211.363.834	320.023.014
Chi phí khác	32		478.634.975	224.270.810
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(267.271.141)	95.752.204
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.253.235.000	1.881.174.724
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.915.711.700	705.707.320
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		10.337.523.300	1.175.467.404

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		13.253.235.000	1.881.174.724
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.303.047.306	3.414.961.461
Các khoản dự phòng	03		(3.090.725.890)	(38.746.849)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(22.952.903)	(141.309.773)
Chi phí lãi vay	06		488.790.779	202.167.519
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.931.394.292	5.318.247.082
Biến động các khoản phải thu	09		373.683.177	195.320.368
Biến động hàng tồn kho	10		16.700.693.444	5.681.339.546
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.546.495.247)	3.116.314.400
Biến động chi phí trả trước	12		288.466.452	(740.765.046)
			21.747.742.118	13.570.456.350
Tiền lãi vay đã trả	13		(488.790.779)	(202.167.519)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(5.909.826.894)	(7.493.408.246)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.253.534.870)	(809.066.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.095.589.575	5.065.814.426
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(3.880.830.000)	(153.762.024)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	8.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		22.952.903	141.309.773
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.857.877.097)	7.987.547.749

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

		Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	30/6/2013
		VND	VND

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	13.977.149.938	7.317.514.854
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.078.049.507)	(10.111.768.893)
Tiền trả cổ tức	36	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.600.899.569)	(10.294.254.039)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.636.812.909	2.759.108.136
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	14.762.451.927	5.513.032.329
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	17.399.264.836	8.272.140.465

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

8

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 604 nhân viên (31/12/2013: 616 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các tổ chức và các cá nhân có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp tới Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt, các thành viên mật thiết trong gia đình của những người này và các công ty con và các công ty liên kết của các tổ chức và cá nhân này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	187.300.052	678.742.556
Tiền gửi ngân hàng	17.211.964.784	14.083.709.371
	<hr/>	<hr/>
	17.399.264.836	14.762.451.927
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ công ty con		
Phi thương mại – ngắn hạn	-	7.175.903.082
Thương mại – dài hạn	7.936.175.901	9.015.703.224
Phải trả công ty con		
Thương mại	19.466.320.238	12.557.615.261
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại dài hạn từ công ty con phản ánh các khoản thu từ hoạt động bán các tài sản cố định, không có đảm bảo, không chịu lãi suất và phải thu trong 12 lần, mỗi năm một lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2013.



Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay cấp cho công ty con	-	2.100.725.059
Ứng trước cho công ty con	-	5.075.178.023
Phải thu người lao động	554.049.430	567.000.000
Phải thu từ các cá nhân	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu khác	1.123.664.341	1.085.786.864
	7.135.968.021	14.286.944.196

6. Hàng tồn kho

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.127.660.846	1.164.019.582
Nguyên vật liệu	19.489.309.370	33.550.848.737
Công cụ, dụng cụ	215.914.999	76.930.459
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.816.003.140	2.461.768.093
Thành phẩm	30.551.043.535	17.836.483.999
Hàng hóa	6.067.536	15.816.642.000
	54.205.999.426	70.906.692.870
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(858.421.861)	(858.421.861)
	53.347.577.565	70.048.271.009

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	858.421.861	884.998.636
Hoàn nhập	-	(26.576.775)
	858.421.861	858.421.861

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 19.489 triệu VND (31/12/2013: 33.300 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	36.338.531.195	53.449.901.595	6.869.616.724	2.239.887.706	98.897.937.220
Tăng trong kỳ	-	3.880.830.000	-	-	3.880.830.000
Phân loại lại	-	-	(32.583.314)	32.583.314	-
Số dư cuối kỳ	36.338.531.195	57.330.731.595	6.837.033.410	2.272.471.020	102.778.767.220
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	25.554.673.370	44.831.765.641	5.734.304.839	1.455.856.380	77.576.600.230
Khấu hao trong kỳ	1.230.540.541	1.439.908.595	443.208.594	189.389.576	3.303.047.306
Số dư cuối kỳ	26.785.213.911	46.271.674.236	6.177.513.433	1.645.245.956	80.879.647.536
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	10.783.857.825	8.618.135.954	1.135.311.885	784.031.326	21.321.336.990
Số dư cuối kỳ	9.553.317.284	11.059.057.359	659.519.977	627.225.064	21.899.119.684

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 54.135 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 50.043 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.397 triệu VND (31/12/2013: 9.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình phản ánh quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	1.392.461.590	1.423.007.044
Tăng trong kỳ	-	153.762.024
Số dư cuối kỳ	1.392.461.590	1.576.769.068

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

10. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú	4.740	303.300.000	4.740	303.300.000
▪ Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	96.701	3.142.610.000	96.701	3.142.610.000
▪ Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	82.411	2.506.170.000	51.935	2.506.170.000
	183.852	5.952.080.000	153.376	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(3.662.862.986)		(4.210.317.800)
		2.289.217.014		1.741.762.200

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	30/6/2014			31/12/2013		
	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại công ty con:						
• Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	100%	100%	15.000.000.000	100%	100%	15.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			-			(2.543.271.076)
			15.000.000.000			12.456.728.924

Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng được thành lập tại Việt Nam.

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	4.210.317.800	4.181.392.000	2.543.271.076	6.480.731.992
Hoàn nhập	(547.454.814)	(80.839.700)	(2.543.271.076)	-
Số dư cuối kỳ	3.662.862.986	4.100.552.300	-	6.480.731.992

11. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	11.181.060.494	10.159.608.819
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.122.351.244
	11.181.060.494	11.281.960.063

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay từ Indovinabank 046CL/IVB HP-CR/2013	VND	6%	8.431.060.494	4.716.409.500
Khoản vay từ Eximbank 1603LAV 20140026	VND	10%	2.750.000.000	-
Khoản vay từ HSBC HPO 130985	VND	8,8%	-	5.386.765.053
Các khoản vay khác	VND	12%	-	56.434.266
			11.181.060.494	10.159.608.819

Khoản vay từ Indovinabank được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 28.299 triệu VND (31/12/2013: 27.800 triệu VND) (Thuyết minh 6 và Thuyết minh 7).

Khoản vay từ Eximbank được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 3.587 triệu VND (Thuyết minh 7).

Các khoản vay khác không được đảm bảo.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.187.144.357	1.320.131.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.707.301.717	5.701.416.911
Thuế thu nhập cá nhân	376.914.039	555.672.231
Thuế nhà đất	-	468.617.689
	5.271.360.113	8.045.838.350

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

13. Chi phí phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	1.443.942.361	4.743.941.173
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	1.208.248.818	1.346.775.336
Chi phí phải trả khác	933.926.128	-
	3.586.117.307	6.090.716.509

14. Các khoản phải trả khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	145.303.761	106.552.554
Bảo hiểm xã hội	-	(43.725.226)
Bảo hiểm y tế	-	308.180.683
Bảo hiểm thất nghiệp	-	133.900.270
Các khoản phải trả khác	977.503.453	223.505.696
	1.122.807.214	728.413.977

15. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	2.278.859.343	2.713.839.866
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 17)	636.853.991	537.804.454
Sử dụng trong kỳ	(322.609.636)	(763.867.977)
Số dư cuối kỳ	2.593.103.698	2.487.776.343

16. Các khoản dự phòng

Khoản tiền 5.458.254.250 VND phản ánh khoản dự phòng thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Công ty có nghĩa vụ phải nộp khoản thuế này vào ngân sách Nhà nước khi thu được từ các cá nhân. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn không có khả năng thu được khoản này từ các cá nhân.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	50.000.000.000	15.753.387.350	11.159.252.530	10.320.841.571	14.088.774.092	101.322.255.543
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.075.608.908	537.804.454	1.175.467.404	1.175.467.404
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	-	(1.613.413.362)	-
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(537.804.454)	(537.804.454)
Sử dụng các quỹ	-	-	(2.198.182)	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
					(43.000.000)	(45.198.182)
Số dư tại 30 tháng 6 năm 2013	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.858.646.025	5.570.023.680	94.414.720.311
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.856.450.403	21.768.366.993	110.610.868.002
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	10.337.523.300	10.337.523.300
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.273.707.981	636.853.991	(1.910.561.972)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	-	(636.853.991)	(636.853.991)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thường cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (*)	-	-	-	-	(640.000.000)	(640.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	50.000.000.000	15.753.387.350	13.506.371.237	11.493.304.394	21.418.474.330	112.171.537.311

(*) Ngày 25 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty tại đã quyết định phân phối 690 triệu VND tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc từ lợi nhuận thuần năm 2013. Tại ngày báo cáo, Công ty đã chi trả 640 triệu VND.

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

19. Cổ tức

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

Trong năm trước, ngày 24 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

20. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.274 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 637 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần năm 2013.

Ngày 24 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.075 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 538 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần năm 2012.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	150.218.556.513	148.791.170.140
▪ Doanh thu cho thuê	518.654.424	860.961.461
	150.737.210.937	149.652.131.601
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	3.110.149.953	677.377.224
▪ Hàng bán bị trả lại	90.515.724	229.347.164
	3.200.665.677	906.724.388
Doanh thu thuần	147.536.545.260	148.745.407.213

22. Giá vốn hàng bán

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm đã bán	97.730.175.843	101.022.334.695
▪ Giá vốn cho thuê	178.775.359	153.236.022
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(26.576.775)
	97.908.951.202	101.148.993.942

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	22.952.903	110.119.573
Cổ tức được chia	-	31.190.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	977.174
	22.952.903	142.286.947

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24. Chi phí tài chính

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	488.790.779	202.167.519
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.090.725.890)	(80.839.700)
Chiết khấu thanh toán	-	183.529.328
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.333.383	12.346.041
	(2.592.601.728)	317.203.188

25. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí thuế kỳ hiện hành	2.915.711.700	705.707.320

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	13.253.235.000	1.881.174.724
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.915.711.700	470.293.681
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	243.211.189
Thu nhập không bị tính thuế	-	(7.797.550)
	2.915.711.700	705.707.320

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 25%).

Theo Luật Sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập của Công ty được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

26. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Kiểm soát của Công ty có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Kiểm soát có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	17.211.964.784	14.083.709.371
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	17.310.585.090	24.630.090.902
		<hr/>	<hr/>
		34.522.549.874	38.713.800.273

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 đến 40 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu tồn đọng trên 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	1.820.530.913	4.030.918.210
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	3.893.698.784
	<hr/>	<hr/>
	1.820.530.913	7.924.616.994

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	6.844.049.452	6.669.379.826
Tăng dự phòng trong kỳ	-	68.669.626
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.844.049.452	6.738.049.452

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	14.112.756.780	14.112.756.780	14.112.756.780	-
Vay ngắn hạn	11.181.060.494	11.192.833.073	11.192.833.073	-
	25.293.817.274	25.305.589.853	25.305.589.853	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	24.045.006.379	24.045.006.379	23.773.720.664	271.285.715
Vay ngắn hạn	10.159.608.819	10.837.116.102	10.837.116.102	-
Vay dài hạn	1.122.351.244	1.135.150.662	1.135.150.662	-
	35.326.966.442	36.017.273.143	35.745.987.428	271.285.715

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn, duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng và duy trì vốn lưu động của công ty.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.894	2.892

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014	31/12/2013
USD/VND	21.300	21.165

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	961.618
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	918.138

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(11.181.060.494)	(11.281.960.063)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 87 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2013: 85 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) *Các rủi ro thị trường khác*

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
- Đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu nắm giữ để kinh doanh	2.289.217.014	2.289.217.014	1.741.762.200	1.741.762.200
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	17.399.264.836	17.399.264.836	14.762.451.927	14.762.451.927
- Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn	9.374.409.189	9.374.409.189	15.614.387.678	15.614.387.678
- Phải thu dài hạn khác	7.936.175.901	(*)	9.015.703.224	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	(14.112.756.780)	(14.112.756.780)	(24.045.006.379)	(24.045.006.379)
- Vay ngắn hạn	(11.181.060.494)	(11.181.060.494)	(10.159.608.819)	(10.159.608.819)
- Vay dài hạn	-	-	(1.122.351.244)	(*)
	11.705.249.666	(*)	5.807.338.587	(*)

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng kỹ thuật định giá theo phương pháp giá thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn được xác định là giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn ()*

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long (trước ngày 6 tháng 5 năm 2013)		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	11.259.976
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	10.215.187.770
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	24.659.792	204.322.633
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.027.910.100	15.782.022.250
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.634.396.274	1.112.022.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.057.999.998	769.456.464

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

28. Cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	669.133.333	555.185.840
Trong vòng hai đến năm năm	238.900.000	361.600.000
	<hr/> 908.033.333	<hr/> 916.785.840

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	81.448.746.474	70.414.996.881
Chi phí nhân công	28.506.326.231	29.145.825.776
Chi phí khấu hao	3.303.047.306	3.414.961.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.070.645.413	3.025.789.627
Chi phí khác	15.561.048.445	38.069.086.470

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

